

Tên khác của Indacanda (Tên gọi đình Dũng)

Tạng Luật (*Vinaya* / *aka*) thuộc về Tam Tạng (*Tipi* / *aka*) là những lời dạy và quy định của đức Phật và các vị nđ có liên quan đến cuộc sống và sự sinh hoạt của các thành viên cũng như các công việc của họ. Trong đó, chủ yếu đề cập đến các tên khác, một phần dành cho tên khác, tên gọi khác một số vị nđ có thể áp dụng cho hàng tu gia cư sĩ cũng được tìm thấy.

Tạng Luật được chia làm 3 phần chính: *Suttavibhanga*, *Khandhaka*, và *Parivāra*.

I. *Suttavibhanga* (Phân Tích Giới Bộ) trình bày về giới bộ *Pātimokkha* của tên khác có 227 điều luật và của tên khác có 311 điều luật. Ý nghĩa của tên "

*sutta*

" nhóm tên "

*suttavibhanga*

" có ý nghĩa tên gọi được gọi là "

*sikkhāpada*

" (điều luật, luật giới, điều luật, ...), nếu xét theo ý nghĩa bao quát có thể gọi là "giới bộ." Như vậy,

*Suttavibhanga*

nghĩa là sự phân tích các điều luật hoặc là sự phân tích về giới bộ (Tạng Kinh, tên "sutta" được dịch là "kinh", ví dụ như

*Brahmajālasutta*

được dịch là

*Kinh Phạm Võng*

, v.v...).

Theo truyền thống đang được áp dụng Tích Lan và Miền Đông, *Suttavibhanga* được phân làm hai:

*i*

*apā i*

*Pārājikāpā*

và *Pācittiya*

Cách phân chia này có thể do việc chia hai số lượng sách của *Suttavibhanga* và được trình bày như sau:

*Pārājikāpā i* : Một điều là Chủng tộc *Verañja* giới thiệu về ngài *Sāriputta* thành lập đức Phật quy

đ nh đ u h c và công b gi i b n

*Pātimokkha*

; khi y đ c Ph t đang an c mùa m a t i x

*Verañjā*

. K đ n là các đ u h c đ c trình bày theo th t :

1) 4 *Pārājika* (b t c ng tr )

2) 13 *Sa ghādisesa* (tăng tàng)

3) 2 *Aniyata* (b t đ nh)

4) 30 *Nissaggiya Pācittiya* ( ng x đ i tr )

*Pācittiyapā i* : trình bày ph n còn l i c a *Suttavibha ga*:

5) 92 *Pācittiya* ( ng đ i tr )

6) 4 *Pā idesaniya* ( ng phát l )

7) 75 *Sekhiya* ( ng h c)

8) 7 *Adhikara asamathā Dhammā* (các pháp dần x p tranh t ng)

9) *Bhikkhunīvibha ga* (Phân Tích Gi i T Kh u Ni).

Truy n th ng Thái Lan cũng phân *Suttavibha ga* làm hai, nh ng căn c theo n i dung:

*Mahāvibha ga* (Đ i Phân Tích): còn có tên là *Bhikkhuvibha ga* (Phân Tích Gi i T Kh u) vì có đ y đ ph n phân tích 227 gi i trong gi i b n

*Pātimokkha*

c a t kh u t 4

*pārājika*

cho đ n 7

*adhikara asamathā*

*dhammā*

. B này đ c phân chia làm 2 t p: T p I g m 4

*pārājika*

, 13

*sa ghādisesa*

, và 2

*aniyata*

, t p II g m ph n còn l i c a gi i b n b t đ u v i 30

*nissaggiya*

*pācittiya*

và k t thúc v i l i t ng đ c t ng k t.

*Bhikkhunīvibha ga* (Phân Tích Giới i T Kh u Ni) ch trình bày các đi u h c quy đ nh dành riêng cho t kh u ni, nh ng đi u h c quy đ nh chung c n ph i xem *Bhikkhunīvibha ga* (Phân Tích Giới i T Kh u).

II. *Khandhaka* (H p Ph n): *Khandhaka* g m các v n đ có liên quan đã đ c s p x p thành t ng ch ng và đ c phân làm hai: *Ph m* và *Cullavagga* ( *Ti u Ph m* ). Chúng tôi t m d ch *Khandhaka* là *H p Ph n* ( *khandha* có nghĩa là kh i, nhóm, u n, ... và ti p vĩ ng - *ka* trong tr ng h p này có ý nghĩa là thu c v , có liên quan, ...).

*Mahāvagga* (Đ i Ph m): g m 10 ch ng, m đ u là s ch ng ng đ o qu c a đ c Ph t, k đ n là các nhi m v quan tr ng c a các t kh u nh l xu t gia, l *Uposatha* (B Tát), vi c an c mùa m a, l *Pavāra ā* (T T ), v.v...

*Cullavagga* (Ti u Ph m): g m 12 ch ng đ c p đ n vi c hành x các t kh u ph m t i, gi i quy t các s tranh t ng, vi c chia r h i chúng, và các v n đ khác liên quan đ n đ i s ng xu t gia. Đ c bi t ch ng 10 đ c p vi c xu t gia c a t kh u ni và hai ch ng cu i 11 và 12 nói v hai k k t t p Tam T ng đ u tiên n Đ .

III. *Parivāra* (T p Y u): phân tích v Giới i và Lu t theo các tiêu đ và đ c trình bày d i d ng v n đáp, có th đ c xem nh là cu n c m nang h ng đ n vi c hành x Lu t.

--ooOoo--

## Tổng Luận Tổng Viết

Bản dịch tiếng Việt Tổng Luận của chúng tôi căn cứ vào văn bản Pāli Roman từ CD Budsir IV của trường học Đại học Mahidol (Thái Lan), được phân thành 5 bộ, có 8 tập:

1. Phân Tích Giới Tử Khu (2 tập)
2. Phân Tích Giới Tử Khu Ni
3. Đại Phạm (2 tập)
4. Tiểu Phạm (2 tập)
5. Tập Yếu

\*\*\*\*\*

### 1. Phân Tích Giới Tử Khu:

Gồm có hai tập và có thể nói gọn là Giới Tử Khu cho đến nay.

Đầu tiên, nội dung, chương trình của Verañja trình bày về thời điểm quy định cho các tập khu căn cứ vào câu trả lời của Phật tử và sự thỏa mãn của ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) rằng: "Này Sāriputta, ngài hãy chờ đợi! Này Sāriputta, ngài hãy chờ đợi! Trong trường hợp này, chỉ có Nhị Lai mới biết thời điểm." Và ngài đã xác định về thời điểm đó như sau: "Này Sāriputta, chính bởi vì một số pháp đã đến rồi hoặc xuất hiện trong hai chúng này ... chính bởi vì hai chúng đã đến rồi nên đông đảo và sự lo lắng ... chính bởi vì hai chúng đã đến rồi nên lo lắng và vì sự phát triển ... chính bởi vì hai chúng đã đến rồi nên sự dằn vặt và lo lắng nên một số pháp đã đến rồi hoặc xuất hiện trong hai chúng này, nên bậc Đạo Sĩ quy định cho và công bố giới bản Pātimokkha cho các đệ tử như một điểm trở lại chính các pháp đã đến rồi hoặc ..." .

Đ n các ch ng k t p, chúng ta bi t đ c r ng m i khi đi u h c đ c quy đ nh, tr c tiên có s ch trích và chê bai v vi c làm hay l i nói nào đó c a các v xu t gia, vi c ch trích và chê bai lan r ng khi n các t kh u nghe đ c và cu i cùng đ n tại đ c Ph t. Đ i t ng vi ph m trong các câu chuy n này có th là cá nhân hay nhóm t kh u, không h n là phạm nhân mà ngay c m t s v đã ch ng đ c thi n và th n thông nh các v Devadatta v i vi c chia r h i chúng và Sāgata do say s a vì u ng r u, m t vài tr ng h p do các b c đã ch ng Thánh qu nh ngài Anuruddha v vi c n m chung ch ng v i ng i n, ngài Cū apanthaka v vi c giáo hu n các t kh u ni khi m t tr i đã l n, ho c ngài Ve a hasīsa v vi c th đ ng v t th c đã tích tr . V các s ch trích và chê bai, đa s phát xu t t hàng t i gia có th là các c sĩ đã quy y, nh ng ng i theo ngo i đ o, ho c qu n chúng bình th ng, k đ n do các v đã xu t gia, ch m t vài tr ng h p do phi nhân h ng trên ho c đ i. Thông th ng, đ c Ph t tri u t p các t kh u l i, xác đ nh v n đ , khi n trách và giáo hu n, r i m i quy đ nh đi u h c. M i l n nh v y, đ c Ph t luôn kh ng đ nh v m i đi u l i ích c a vi c làm y nh sau: "Nh m s t t đ p cho h i chúng, nh m s an l c cho h i chúng, nh m vi c tr n áp nh ng nhân v t ác x u, nh m s l c trú c a các t kh u hi n thi n, nh m ngăn ng a các l u ho c trong hi n t i, nh m s tr di t các l u ho c trong t ng lai, nh m đ m l i ni m tin cho nh ng k ch a có đ c tin, nh m tăng thêm ni m tin c a nh ng ng i đã có đ c tin, nh m s t n t i c a Chánh Pháp, và nh m s h tr Lu t." Có nhi u tr ng h p, đi u h c đã đ c quy đ nh thêm (*anupaññatti*), có tr ng h p m c đ nghiêm kh c trong vi c th c hành càng gia tăng, có tr ng h p đ c gi m nh do nhu c u c n thi t ví d nh t kh u b b nh có th th th c ph c xá h n m t l n, ho c v t kh u có th h n tr c r i đi chung v i t kh u ni đ n đ ng có nguy hi m ho c chung chuy n đò lúc sang sông. Sau ph n quy đ nh v đi u h c, có ph n phân tích v t ng v các tr ng h p vi ph m ho c không vi ph m. Ph n này c n xem xét k l ng m i có th hi u đ c đi u h c thêm ph n chính xác. Ngoài ra, có ph n các câu chuy n đ n gi i 4 đi u h c *pārājika* và 5 đi u h c đ u c a sa ghādisesa, g m nh ng s vi c c th giúp cho hi u rõ h n v tr ng h p vi ph m t i. Khi đ c các câu chuy n này, ta nên liên h v i ph n phân tích p hía tr c đ th y đ c s phán quy t c a đ c Ph t. M t đi u quan tr ng c n l u ý r ng đ i t ng chính c a các đi u h c này là h ng t kh u và t kh u ni đã đ c tu lên b c trên b ng hành s v i l i thông báo đ n l n th t, đ u tiên là v bà-la-môn đã đ c ngài Sāriputta t đ do vi c b thí m t mu ng th c ăn (Đ i Ph m, ch ng I, [85]).

## 2. Phân Tích Giới i T Kh u Ni:

Nói g n h n cho đ nh là Giới i T Kh u Ni. T p này trình bày 311 đi u h c c a các t kh u ni đ c phân chia nh sau:

- 1) 8 *Pārājika* (b t c ng tr )
- 2) 17 *Sa ghādisesa* (tăng tàng)
- 3) 30 *Nissaggiya Pācittiya* ( ng x đ i tr )
- 4) 166 *Pācittiya* ( ng đ i tr )
- 5) 8 *Pā idesaniya* ( ng phát l )
- 6) 75 *Sekhiya* ( ng h c)
- 7) 7 *Adhikara asamathā Dhammā* (các pháp d n x p tranh t ng).

Tuy nhiên, ch có nh ng đ u h c quy đ nh riêng cho t kh u ni (*asādhāra apaññatti*) đ c trình bày trong t p này, còn nh ng đ u quy đ nh chung cho t kh u và t kh u ni (*sādhāra apaññatti*

) c n ph i xem Phân Tích Giới i T Kh u. Ngài Buddhaghosa trong Chú Giới i T ng Lu t *Samantapāsādikā*

đã giúp chúng ta xác đ nh nh ng đ u h c chung này, tuy nhiên th t các đ u h c trong giới b n đ y đ c a các t kh u ni đ c trình bày nh th nào không th y ngài đ c p đ n. Giới i b n đ y đ c a t kh u ni đ c tìm th y các tài li u Pāli có tên

*Bhikkhunīpātimokkha*

,  
*Ubhato-pātimokkha*

,  
*Dvemātikāpā i*

, còn đ c l u tr các n c có Ph t giáo là qu c giáo nh Tích Lan, Thái Lan, Mi n Đi n.

So sánh giới i b n *Pātimokkha* c a t kh u và t kh u ni, có m t s v n đ đáng đ c l u ý nh sau:

1) T kh u ni không có ph n giới i *aniyata* (b t đ nh). T kh u và t kh u ni đ u có 30 đ u *unissaggiya*

*pācittiya*

(ng x đ i tr ), tuy có s l ng gi ng nhau nh ng m t s đ u h c l i khác nhau, 75 đ u *sekhiya*

(ng h c) và 7 pháp d n x p tranh t ng hoàn toàn gi ng nhau.

2) Đ c Ph t quy đ nh các đ u h c cho các t kh u ni thông qua các t kh u. M i khi có s vi c sanh kh i, các t kh u ni đã k l i s vi c cho các t kh u, r i các t kh u m i trình lên đ c Ph t. Khi đ c Ph t quy đ nh đ u h c, ngài cũng quy đ nh gián ti p qua các t kh u: "... Và này các t kh u, các t kh u ni hãy ph bi n đ u h c này ..." Cũng nên l u ý v th c a đ ng t s đ ng trong l i nói c a đ c Ph t: Đ ng t *'uddissantu'* trong tr ng h p c a các t kh u ni thu c m nh l nh cách, hàm ý s ch th , s ra l nh, nên đ c đ ch là "hãy," còn *'uddisseyyātha*

" áp đ ng cho các t kh u thu c gi đ nh cách có ý nghĩa khuyên b o nh nhàng đ c đ ch là "nên;" chúng tôi ch a tìm ra đ c lý giới i v v n ph m cho đ i m này, cũng có th l i nói gián ti p hay tr c ti p là lý do c a s khác bi t này. Và trong các câu chuy n T ng Lu t, đ ng nh ch có bà Mahāpajāpati Gotamī là ch đ ng th a chuy n cùng đ c Ph t, còn các t kh u ni ch l ng nghe và tr l i m i khi đ c Ph t h i đ n.

3) Các t kh u ni khi đ n v i đ c Ph t đ u đ ng cho dù nghe Pháp. Đi u này đ c ghi nh n các đ n v n "... r i đ ng m t bên. Khi đã đ ng m t bên..." Và khi t giã đ c Ph t, ch có ph n mô t v i c các t kh u ni đ nh l đ c Ph t, h ng vai ph i nh u quanh và ra đi, không có đ n "... t ch ng i đ ng d y..." Riêng đ i v i các t kh u, v t kh u ni c n ph i xin phép khi ng i xu ng phía tr c (*pācittiya* đ i u 94).

4) T i quy đ nh cho t kh u th ng đ c gi m nh so v i các t kh u ni trong khi c hai đ u th c hi n hành đ ng ph m t i gi ng nhau. Ví d nh v i c che gi u t *pārājika* c a v khác, t kh u ph m

*pācittiya*

( ng đ i tr ) đ i u 64, t kh u ni l i ph m

*pārājika*

(b t c ng tr ) đ i u 2, ho c v xu h ng theo tà ki n và v n không d t b sau khi đ c nh c nh , t kh u ph m

*pācittiya*

( ng đ i tr ) đ i u 68, còn t kh u ni ph m

*pārājika*

(b t c ng tr ) đ i u 3, v.v...

5) Tuy nhiên, t kh u ni cũng đ c 2 đ i u gi m nh là ch h u c n ni s t đ 2 năm, trong khi t kh u t i thi u ph i 5 năm ho c h n, và t kh u ni không ph i hành *parivāsa* khi ph m t i s a *ghādisesa*

(tăng tàng), bù l i, ph i th c hành

*mānatta*

n a tháng c hai h i chúng (trong khi đó t kh u ph i hành

*parivāsa*

tùy theo s ngày che gi u và ch 6 đêm

*mānatta*

).

6) V n đ xu t gia cho ng i n có ph n ph c t p h n, ví d nh ni s t đ ph i 12 năm thâm niên (so v i t kh u ch 10 năm) và không th ti p đ hàng năm (*pācittiyā* đ i u 82), đ i u này không th y quy đ nh cho t kh u. Sau khi cho tu lên b c trên xong, c n ph i di chuy n v tân t kh u ni đi xa, đ tránh tr ng h p ng i ch ng b t l i (

*pācittiya*

đ i u 70).

7) Vô phàm giới từ ni muôn tu lên bậc trên, phải có sự cho phép của cha mẹ và người chồng (đã xuất giá và còn là thuộc vào cha mẹ), phải tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành sáu pháp trong hai năm, và sự truy cập pháp tu lên bậc trên cần được tiến hành lần lượt từ hai người chúng.

8) Xã hội ở Đệ thi đó có vẻ rất nguy hiểm đối với người qua nhặng sự việc bất trắc xảy ra cho các tông khuu đi riêng lẻ hay nhóm.

9) Vôn đề đầu tiên của *Kaṭhina* là để tìm thấy một luật này (*pācittiya* đi từ 30, [253]), thay vì được kết thúc bằng *Kaṭhina* (Đệ Phàm, chương VII).

Nếu xem xét kỹ lưỡng hai bộ Luật của tông khuu và tông khuu, chúng ta có thể tìm ra những sự khác biệt về tâm lý giữa hai giới tính đã được đề cập trong Phàm nghiên cứu ra bằng sự tu dưỡng và giác ngộ của bản thân, trong khi hiện nay, môn Tâm Lý Học phải tiến hành nghiên cứu về các sự kiện của đời tìm ra nguyên lý và áp dụng vào thực tế. Chúng tôi nghĩ rằng còn nhiều vấn đề lý thú khác mà bản thân chúng tôi đã bỏ sót hay không đề cập được phát hiện.

### 3. Đệ Phàm:

Đệ Phàm gồm có những chương:

1. Chương 1 nói về sự khởi đầu của Giáo Pháp được tính từ lúc đức Thế Tôn thành đạo quí Vô Thập pháp Chánh Đẳng Giác, và bao gồm quá trình hình thành nghi thức cho xuất gia và tu lên bậc trên trở thành tông khuu, cùng một số vấn đề liên quan đến việc huấn luyện các vị xuất gia.

2. Chương 2 giới thiệu về *Upasatha* với nguyên nhân ban đầu là để thỉnh cầu của đức vua Seniya Bimbisāra và nhiều vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc lễ, như việc ăn đồ nhai ( *sīmā*) và nhà hành lễ *Upasatha*, việc sám hối, việc đức thầy giới thiệu *Pātimokkha*, v.v... Việc gìn giữ sự hòa thuận của hội chúng là điểm đặc biệt của monasticism này.

3. Chương 3 giới thiệu về việc vi phạm vào mùa (an cā) mùa. Tuy nhiên được ghi lại trong hai tạng pháp, nhưng nội dung của chương này trình bày những sự vi phạm có liên quan đến 1/3 thời gian sống và tu tập của vị tăng khất sĩ. Chương này cần được xem xét kỹ lưỡng vì có những tài liệu mà khi đã trình bày trong các tài liệu về Luật đã được phê bình.

4. Chương 4 giới thiệu về bộ *Pavāraṇā* (Tội Tội) tức là một trong những hình thức góp ý nhau về đời sống tu tập có liên quan đến giới luật. Hành sự của bộ

*Pavāraṇā*

tuy nhiên được tiến hành một lần trong năm sau ba tháng cư trú mùa mưa, nhưng có tầm quan trọng tương đương với bộ

*Uposatha*

nhằm báo cáo trong sách định thời tính hợp như các hành vi chúng.

5. Chương 5 nói về đa thứ có liên quan đến đời sống của các vị tăng khất sĩ ví dụ như giày dép, v.v... Câu chuyện xuất gia của thanh niên Soḍa Koṭṭivisa được chương giới thiệu về sự kiện tình thân của vị tăng khất sĩ trước tu tập này, được rằng do chính sự tình thân quá mức này đã là chương nghị cho sự được chương của vị này nhưng cũng là một ví dụ để chúng ta thấy được được tu tập của các vị xuất gia vào thời được Phật còn tại thế.

6. Chương 6 nói về được pháp và các cách thức của bệnh. Chương này gồm có 4 tạng pháp được đề cập đến cách thức của trẻ một số bệnh thông thường, và một số quy định đã được áp dụng trong thời kỳ khó khăn về vật thực, về đức tin và những chức của các vị cư sĩ Suppiyā, và vị nđi thực cá và thực trong Phật Giáo, ngoài ra, còn có câu chuyện về vị cư sĩ Ambapālī và một số vị nđi khác và vị còn có được sự đồng ý được thực tại trong thời hiện tại.

7. Chương 7 giới thiệu về bộ dâng *Kaṭhina*. Đây là cuộc pháp thí có tầm vóc quan trọng, vì sự thành tựu của *Kaṭhina* không những có ảnh hưởng đến pháp cấu trúc của người thí chủ mà còn có liên quan đến sự tu tập của các vị tăng khất sĩ. Sự giới thiệu chỉ giới thiệu về những sự vi phạm pháp của chương này có lẽ không ngoài mục đích trình bày một số điểm mà những cần đến sự chú tâm suy xét.

8. Chương 8 là chương về y phục giới thiệu về loại y và các vị nđi có liên quan với nhu cầu pháp giới thiệu. Điểm thú vị của chương này là tạng pháp mà được đưa vào câu chuyện về thầy thuốc Jīvaka Komārabhacca và tài năng của bệnh của vị này, đáng ngạc nhiên là việc giới thiệu được đưa và bệnh đã được tiến hành vào thời gian cách đây hơn 2,500 năm.

9. Chương 9 được đặt tên theo một số kinh xảy ra ở Campā, nêu lên một điểm mà không thể bỏ qua về việc sử dụng sức mạnh tập thể để áp đặt hành phạt sai trái lên cá nhân. Thời bấy giờ còn có một Phật là vị quan tòa để phân xử, trong thời hiện tại trách nhiệm xem xét lại sự việc được trao cho các hội chúng tập thể. Khu vực này có một số thành viên. Các điểm giảng dạy trong chương này không ngoài việc trình bày khuôn mẫu trong việc tiến hành các hành sự, khả năng thực hiện của hội chúng đối với các loại hành sự khác nhau tùy thuộc vào sự hiểu biết của họ, và một số nguyên tắc cần được áp dụng để bảo đảm tính chính đáng Pháp đúng Luật của hành sự. Các hành sự của hội chúng cùng với việc thấu hiểu các hành sự này cũng được trình bày ở chương này gồm có: hành sự khiêng trách, hành sự chấp dõy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và ba loại hành sự án treo.

10. Chương 10 nói về sự việc chia rẽ hội chúng ở Kosambī thời khi đi đầu tiên hội kết thúc. Một mạng chia rẽ trong câu chuyện này chỉ là một sự tranh cãi về một điểm Luật không quan trọng, tập sự xung đột cá nhân đã lan rộng đến tập thể và trở nên căng thẳng không những đưa đến sự giết hại các tập thể mà còn khiến cho một Phật đã bỏ đi vào rừng sâu sống với sự phẫn nộ của voi và khỉ. Yếu tố đưa đến việc giải quyết sự chia rẽ này là hành động tẩy chay tích cực của các cư sĩ thành Kosambī, cuối cùng sự tranh chấp được giải quyết do sự phẫn nộ của vị tập thể khỉ sai trái. Câu chuyện về hoàng tử Dīghāvu và nếp sống sinh hoạt của ba vị đệ tử Anuruddha, Nandiya, Kimbila nhằm để cao sự sống chung hòa ái và không thù hận lẫn nhau là yếu tố quan trọng cần được xây dựng và duy trì trong đời sống tập thể.

#### 4. Tiểu Phàm:

Tiểu Phàm là phần thứ nhì của Bộ Hộ pháp Phạm gồm có 12 chương:

1. Chương đầu là chương Hành Sự để cập đến bảy loại hành sự nhằm mục đích nhắc nhở và cảnh tỉnh tập thể khu vực có những hành vi không đúng với Pháp, không đúng với Luật, họ tập thể đi đầu tiên cho việc này có các hội phẫn nộ và sự ăn dõy. Bảy hành sự này là hành sự khiêng trách, hành sự chấp dõy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và 3 loại hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sự ăn dõy, và trong việc không tập thể tà kiến ác.

2. Chương 2 giảng dạy về cách thức phẫn nộ cho vị tập thể phạm tội *saṃ ghādisesa* (tăng tằng) thời khi đi đầu tiên cho đến khi kết thúc trải qua các giai đoạn *parivāsa, mānatta, mūlāya paṭ ikassana* nếu vị phạm tội tiếp tục hoạn nạn tiếp tục trong thời gian thức thì hành phạt, và cuối cùng là phần giảng dạy

*abbhāna*

đi ph c h i ph m v tr c đây cho v t kh u ph m t i.

3. Ch ng 3 gi ng gi i v c các tr ng h p đ c bi t c a v t kh u trong khi đang th c thi các hành ph t đ thoát kh i t i sa *ghādisesa* l i t i p t c vi ph m t i y n a, ho c các t i t ng t cùng nhóm.

4. Ch ng 4 gi ng gi i v b y cách dàn x p là cách hành x Lu t v i s h i n d i n, hành x Lu t b ng s ghi nh , hành x Lu t khi không diên cu ng, vi c phán x theo t i đã đ c th a nh n, thu n theo s đông, theo t i c a v y, cách dùng c che l p đ i v i b n lo i tranh t ng là s tranh t ng liên quan đ n tranh cãi, s tranh t ng liên quan đ n khi n trách, s tranh t ng liên quan đ n t i, và s tranh t ng liên quan đ n nhi m v .

5. Ch ng 5 là ch ng các Ti u S đ c p đ n nhi u v n đ có liên quan đ n s sinh ho t hàng ngày c a v t kh u v nhi u khía c nh khác nhau, nh cách ph c s c, thuy t Pháp, các v t d ng, v.v...

6. Ch ng 6 Sàng T a thu t l i vi c dâng cúng 60 trú xá đ u tiên c a m t nhà đ i phú thành Rājagaha cho đ n s cúng đ ng m t tu vi n hoàn ch nh c a ông Anāthapi ika (C p Cô Đ c) và các v n đ liên quan nh vi c xây đ ng, cách th c s đ ng, và các s phân công trong vi c qu n lý tu vi n.

7. Ch ng th 7 là ch ng Chia R H i Chúng, b t đ u v i câu chuy n dài gi i thi u s sinh ho t trong m t gia đình tiêu bi u c a dòng h Sākya (Thích Ca), t i p đ n s xu t gia c a sáu thanh niên thu c dòng h này, trong đó có Devadatta v sau là ng i kh i x ng và t i n hành vi c chia r h i chúng. Ch ng này đ c k t thúc v i nh ng câu h i c a tr ng lão Upālī đ xác đ nh nh ng đi m khác bi t gi a s b t đ ng trong h i chúng là vi c th ng x y ra trong t p th , và s chia r h i chúng là vi c có tính ch t nghiêm tr ng. Nghi p qu x u dành cho k chia r h i chúng và ph c báu c a v làm h p nh t h i chúng đã b chia r cũng đ đ c p đ n ch ng này.

8. Ch ng th 8 gi ng gi i v 14 ph n s trong đ i s ng xu t gia. Cu c s ng c a v t kh u đ c mô t đ y đ trong ch ng này, b t đ u v i ph n s c a v t kh u v i v i, th ng trú, ho c chu n b ra đi, luôn c ph n s c a v t kh u đ i v i ch trú ng trong r ng ho c

trong tu viện. Các phật tử sống trong nhà tu, đi khất thực, phật tử ở nhà ăn, tùy họ phật tử có các thói quen, việc sống trong nhà tu, nhà sư sinh sống trong môi trường chi tiết. Ngoài ra, còn quy định cho các phật tử sống tác giả thuyết pháp và thuyết pháp cho các phật tử hoặc họ có liên hệ nhà. Cuộc sống chung có thể tốt đẹp hay không chính là do sự nhận thức và thực hành các phật tử này có hàng xuất gia, đời sống là các việc khó.

9. Chương 9 Đỉnh Chư Giới Bồ Đề *Pātimokkha* trình bày nguyên do việc đặt Thập Tôn đã thuyết giảng về tám pháp khổ đau phi thường trong biên cảnh, để so sánh với tính chất bất biến của Pháp và Luật mà Ngài đã tuyên thuyết, đời sống có liên quan đến việc giao phó trách nhiệm đặt tụng giới bồ đề *Pātimokkha* cho các

tu sĩ không thể dời đi một bước. Phàm đời sống đỉnh chư giới bồ đề *Pātimokkha*

nhóm đức bậc sống trong sạch của họ chúng, bằng cách loại bỏ những phiền nhiễu mà họ không thể giữ gìn hoặc họ không hay biết. Đức bất biến của pháp này còn đặt ra nhiệm vụ chi tiết cho họ trong việc khiếm trách nhiệm của việc tu sĩ không nguyên cáo và thái độ thích hợp của việc tu sĩ không cáo họ về đức hòa khí của hai bên.

10. Chương 10 đặt ra việc xuất gia của tu sĩ không nữ và dĩ nhiên chi tiết, bắt đầu với việc của xin xuất gia của bà Mahāpajāpati Gotamī, sau đó đã được tu sĩ lên bậc trên do sự chấp thuận Tám Trạng Pháp, kể từ năm trăm công đức sống dòng Sākyā được xuất gia với họ chúng tu sĩ, tiếp theo là tiến trình tu sĩ bậc trên với cả hai họ chúng: với họ chúng tu sĩ không nữ trước và với họ chúng tu sĩ không sau. Trong trạng huống bất biến, hành sự tu sĩ lên bậc trên họ chúng tu sĩ có thể được tiến hành với sự hiện diện của việc tu sĩ không nữ là người dĩ nhiên. Ngoài ra, một số vị nữ sinh có tính cách cá biệt của phái nữ cũng được kể tiếp chương này. Nghiên cứu kỹ lưỡng về chương này có thể nắm được nét chung về sự sinh hoạt của tu sĩ không nữ vào thời bấy giờ.

11. Chương 11 nói về cuộc kết tập Tam Tăng lần thứ nhất ở thành Đệ. Ngoài những sự liên quan đến công việc kết tập lần dĩ nhiên của đức Phật gồm có phật tử chuyên tâm, việc chuần bệ và tiến hành, chương này còn đặt ra nhiệm vụ tuyên bố của đức Purāṇa và việc về ý chí ghi nhận những dĩ nhiên do chính bản thân đã được nghe từ tiếp tục kim khẩu của đức Thập Tôn, với việc các vị trưởng lão quy định không thêm vào và không bỏ bớt bất cứ điều gì nào, sự tuân thủ của đức Ānanda dĩ nhiên các bậc trưởng lão, và cách thức áp dụng hình pháp *Brahma* (Phạm đàn).

12. Chương 12 nói về lần kết tập Tam Tăng lần thứ nhì ở thành Đệ với phật tử chuyên tâm Vesālī vào khoảng 100 năm sau khi đức Phật Vô Đề Niết Bàn. Các chi tiết về tiến trình và

Đúng có cả hai phe trong cuộc tranh tụng này giúp cho đức giới bị t được vài nét khái quát trong đời sống sinh hoạt tinh thần vào thời bấy giờ. Đây là sự kiện chia phe nhóm thành hai sau lần Kosambī được ghi chép lại, tức rằng sự kiện này đúng thì đi kèm kết thúc cả lần kết tập này mà không tìm thấy thêm chi tiết nào về sự phân chia tông phái về sau này.

## 5. Tập Yếu:

Tập Yếu (*Parivāra*) là bộ sưu tập cùng cả Tông Luật (*Vinayapīṭaka*). Về ý nghĩa của *parivāra*, học giả I. B. Horner phân tích như sau: "... pari là tiền đầu ngữ có ý nghĩa: đi vòng quanh, bao bọc xung quanh, v.v... và vāra lấy theo tiếng của

*Sanskrit*

là √

√

có nghĩa là bao phủ ..." (√

√

còn có nghĩa thành hai là chon (a); dựa theo đó, chúng tôi tạm lấy tên là "Tập Yếu", có ý nghĩa nôm na là "Tập hợp lại những điều chính yếu." Những điều chính yếu này đã được chon lại thành hai bộ Luật

*Suttavibhanga*

và

*Khandhaka*

để được sắp xếp và trình bày qua những góc nhìn khác biệt.

Như vậy, phải chăng bộ Tập Yếu này không đem lại thêm điều gì mới cho người đọc? Suy nghĩ như vậy xét ra cũng có phần đúng. Tuy nhiên, trong số những người đã được qua, thậm chí đã học một cách kỹ lưỡng hai bộ Luật trên, người nào có thể không nhận ra rằng bản thân có thể hiểu được chính xác và ghi nhớ đầy đủ các điều của Phật đã dạy, hoặc nghĩ đến việc học tập hóa lại kiến thức về Luật? Chúng ta hãy thử trả lời các câu hỏi sau: "Các điều học đã được quy định bao nhiêu điều đi kèm? Mỗi điều đi kèm như vậy được bao nhiêu điều? Có bao nhiêu điều học đã được quy định chung cho tất cả chúng ta và tất cả chúng ta? Là các điều học nào? Có bao nhiêu điều học đã được quy định riêng cho tất cả chúng ta, cho tất cả chúng ta? Là các điều học nào? v.v... Bộ Tập Yếu đã giúp quy định các câu hỏi đó giúp cho người đọc được thoải mái một thì giờ về những ký ức hoặc phải mở sách ra xem lại.

Mỗi chính chương của bộ Tập Yếu được trình bày theo thứ tự như sau:

I. Chương Mười Sáu Phần Chính thu được Phân Tích Giới Tội như: Tóm lược đầy đủ 227 điều học của tất cả chúng ta.

II. Chương Mục lục Sáu Phần Chính thuộc Phân Tích Giới Tử khu Ni: là phần tóm lược *Bhikkhunīvi bhāga*

gồm các đề mục được quy định riêng cho giới tử khu Ni, cách trình bày cũng tương tự như chương trên dành cho giới tử khu.

III. Tóm lược về Ngũ nhân Sanh Tử: Tử thân khu ý được phân chia thành sáu ngũ nhân sanh tử: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khu; có thể sanh lên do khu và do ý, không do thân, v.v... Có tử chỉ có một ngũ nhân sanh tử, có tử có hai, có tử có ba, có tử có bốn, có tử có sáu, và tử có có mười ba nhóm có ngũ nhân sanh tử giống nhau.

IV. Tuy được phân ra làm hai phần: (a) Sơ Trưng Lược Liên Tử và (b) Phân Tích Cách Dàn Xếp, nhưng phần (b) chỉ là phần tiếp theo của phần (a) chứ không hoàn toàn. Sơ dĩ nhận ra được hai phần riêng biệt do việc các nhà kết tập văn lời câu văn báo hiệu sự kết thúc của phần đầu: "*antarapeyyāla nā hīta*" có nghĩa là "Sơ Trưng Lược Liên Tử được chấm dứt." Về phần tiếp theo hình thức, cả hai phần này là các câu hỏi và đáp mà đưa bằng dòng tiêu đề (*mātikā*).

V. Các Câu Hỏi và Đáp Hợp Phần: Chỉ là một chương ngắn gọn giới thiệu qua các chương của bộ này gồm có Đề nghị Phạm và Tiếu Phạm được dùng câu hỏi và đáp về bao nhiêu loại tử cho mỗi chương và chấm dứt khi liệt kê đầy đủ 22 chương của bộ Luật này.

VI. Tăng Theo Tử ngữ Bộ: được trình bày dưới dạng pháp sư tổ nhóm một đến nhóm mười một có nội dung liên quan đến Luật và hình thức được trình bày tương tự như Kinh Tăng Chi Bộ thuộc Tử ngữ Kinh.

VII. Các Câu Vấn Đáp về Lược *Upasatha*, v.v... Chỉ là một chương ngắn gọn để cập đến các hành sự từ *Upasatha*, là *Pavāra ā*, ... hành pháp *mānatta*, và sự giới tử. Phần thứ nhì nói về lợi ích của việc quy định đề mục hỏi. Đề mục đáng lưu ý là chương này được kết thúc với câu "*Mahāvagga nā hīta*"

"nghĩa là "Đề nghị Phạm được chấm dứt," trong khi đó các phần đã được trình bày trong chương này được tìm thấy rải rác trong toàn bộ Tử ngữ Luật chứ không phải chỉ riêng Đề nghị Phạm.

VIII. **Sưu Tập Các Bài Kệ** : Phần lớn được trình bày dưới thể kệ có xen vào một số đoạn văn xuôi. Nội dung liệt kê tên của tám đấng đã xảy ra việc quy định của các điều luật, mà nội dung là bao nhiêu điều luật, v.v... ngoài ra còn phân các điều luật thành nhóm theo nội dung khía cạnh khác nhau như quy định chung, quy định riêng, v.v...

IX. **Phân Tích Sơ Tranh Tranh**: Phân tích chi tiết về bản sơ tranh tranh và bày cách dàn xếp. Chỉ được trình bày cô đọng nhưng không kém phần súc tích của những tham khảo.

X. **Sưu Tập Khác và Các Bài Kệ** : Chỉ là một chương ngắn gọn tóm tắt về thể kệ thuộc đề tài có liên quan đến việc cáo tội: ý nghĩa và mục đích của việc cáo tội, các điểm sai trái chấp xử mà việc cáo tội cần phải quán xét trong quá trình cáo tội và khác.

XI. **Chương Cáo Tội**: là phần trình bày tiếp theo của chương trên có liên quan đến việc cáo tội và xét xử.

XII. **Xung Đột (Phần Ph)**: Chỉ là một chương ngắn gọn có liên quan đến việc xét xử, tuy nhiên các chi tiết được trình bày là hoàn toàn mới mẻ, không tìm thấy trong các phần Luật đã được đề cập qua.

XIII. **Xung Đột (Phần Chính)**: Sơ thực hành của việc xét xử được giới thiệu chi tiết. Cách thức được trình bày theo thể như ở phần Phân Tích Giới Bản, trước tiên giới thiệu một đoạn văn sau đó là phần giới thiệu ý nghĩa của từng câu.

XIV. **Phân Tích Kaṭhina**: Các điều của luật về *Kaṭhina* được gom thành một đoạn hội đáp có tính cách tranh luận nhưng không kém phần súc tích, ngoài ra còn có những chi tiết của được trình bày về chương *Kaṭhina* thuộc Đệ Nhị Phần.

XV. **Nhóm Năm của Upāli**: là các câu hỏi của ngài Upāli và câu trả lời của Đức Phật như đã được thấy trong Đệ Nhị Phần và Tiểu Phần.

XVI. Ngũ N Sanh Kh: Trình bày về ngũ n sanh t i nh đã đ c đ c p ch ng I, II, III. Trong ch ng này, ngũ n sanh t i là ch đ chính và đ c trình bày cô đ ng theo t ng đi u h c m t.

XVII. S u T p Các Bài K (Ph n Hai): Là các câu h i đáp liên quan đ n t i vi ph m. Tuy nhiên, câu tr i i ch có tính cách g i ý. Có câu có th đ dàng liên h đ c v n đ , nh ng nhi u câu tr i i khác đã chỉ m m t nhi u th i gian c a chúng tôi trong vi c tìm hi u ý nghĩa t i i gi i thích c a ngài Buddhaghosa cũng nh xem xét và ki m tra các ph n trích đ n c a Cô I. B. Horner trong b n d ch ti ng Anh.

XVIII. Các Bài K Làm Xu t M Hôi: là các câu h i khó khi n ng i đ c ph i lúng túng và đ m hôi khi suy nghĩ. V ch ng này, ph n c c chú là đi u không th thi u sót và cũng đã t o ra nhi u khó khăn cho chúng tôi trong vi c xác đ nh v n đ . Có m t vài câu h i, chúng tôi ch ghi i d ch và không th c hi n ph n gi i thích vì không xác đ nh đ c ngu n trích đ n.

XIX. Năm Ph n: Trình bày theo năm đ tài: Hành s , đi u i ích, s quy đ nh các lo i hành s , b y cách dàn x p đã đ c quy đ nh, và s t ng h p theo chín v n đ khác nhau.

V ph n tác gi , nói đúng h n là v đã biên t p tài li u này, chúng ta ch bi t đ c tên v y là Dīpa qua i t ng k t ph n cu i c a t p sách. V y đ c gi i thi u là "b c trí tu đã h c h i t các v th y và th c hi n *Parivāra* nh m làm sáng t Chánh Pháp, giúp cho ng i h c Ph t gi i quy t nh ng hoài nghi đã sanh kh i." Có ý ki n cho r ng Dīpa là m t v xu t gia ng i đ o Tích Lan (D ch gi I. B. Horner ghi i theo Winternitz, *A History of Indian Literature*, Volume ii, p. 33).

V th i đi m, cũng không th xác đ nh ch c ch n. D a vào bài k li t kê tên các v tr ng lão k th a T ng Lu t đ c đ c p đ o n [3] nêu tên năm v thu c Jambudīpa ( n Đ ), k ti p là nhóm năm v đ n đ u là ngài Mahinda có trách nhi m đi ho ng Pháp Tambapa i, và v tr ng lão cu i cùng trong danh sách y có tên là Sīva. Có tài li u ph ng đoán r ng v Sīva đã s ng vào kho ng th k th nh t sau Tây l ch (Oskar Von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature*, tr. 22); nh y, có th suy lu n r ng t p *Parivāra*

đều có thể có hiên vào kho tàng thời gian đó. Đó là điểm đã được hiên

*Parivāra*

đều có mặt nhiên chấp nhận là ở trên hòn đảo Tambapaanni (tức là nước Sri Lanka ngày nay).

Về nội dung, có các vấn đề đáng được lưu ý như sau:

1) *Parivāra* tuy được xếp vào *Tipiṭṭaka* (Tam Tạng), nhưng phần lớn của *Parivāra* không phải là những điều đã được nghe trực tiếp từ chính kim khẩu của đức Phật và được ghi lại nguyên văn như hai bộ Luật kia hoặc các bộ thuộc tạng Kinh; điều này được dễ dàng xác định qua văn bản. *Parivāra* tuy không hẳn là Phật ngôn nhưng các vấn đề thuộc luật không đi ra ngoài những điều dạy của đức Phật.

2) *Parivāra* hiện đang soạn theo gấm có 19 chương; tuy nhiên cuối chương XIV có dòng chữ *Parivāraṃ nāma hitaṃ*

" báo hiệu sự kết thúc của *Parivāra*. Do đó giới I. B. Horner định chương riêng các bộ Chư Giĩ và Luật và Kinh Trạng ngữ Bộ của ngài Buddhaghosa để cập đến "

số *asaparivāra*

" nghĩa là

*Parivāra*

gấm có 16 chương và lưu ý chúng ta về chương IV gấm có 2 phần riêng biệt là

*Anantarapeyyāla*

(Số trùng lặp liên tục) và

*Samathabheda*

(Phân tích cách dần xếp) và chương VII gấm có

*Uposathādipucchāvissajjanā*

(Các câu vấn đáp về lễ

*Uposatha*

, v.v...) và

*Atthavasapakarāṇa*

(Lời giới thích về điều luật ích) đã được thu gọn lại; theo cách giới thích này chúng ta có được *Parivāra*

về mặt sáu chương theo như các Chư Giĩ đã đề cập. Như vậy, phải chăng các chương XV-XIX phần Chánh Tạng và Chư Giĩ đã được thêm vào sau thời kỳ của ngài

Buddhaghosa (vào kho tàng thời kỳ thứ 5 sau Tây Lịch)? Điều này cần phải chờ đợi câu trả lời từ các công trình nghiên cứu nghiêm túc hoặc từ sự tìm ra các di tích từ những công cụ khảo cổ để có được câu trả lời thích đáng.

3) Có điều cần nói thêm rằng: *Parivāra* không phải là sách để thông thạo mà để xem

là tài liệu học tập, là học cụ giúp cho người nghiên cứu. Luật hiểu rõ và nắm vững các vấn đề thuộc về Luật. Sự trình bày vấn đề dưới nhiều góc nhìn, theo từng chiều để có thể giúp cho người đọc xác định lợi ích kinh tế và góp phần vào việc công nhận sự ghi nhận. Tuy nhiên, người đọc phải thông cũng có thể học hỏi được những nét đa dạng trong nghệ thuật phân tích vấn đề.

Nội dung của Tông Luật tuy có chỗ để là các điều học đã được đặt ra quy định cho các tổ chức và tổ chức này, nhưng còn được lồng vào những câu chuyện để giúp trình bày bài học xã hội của nó. Đưa vào thời điểm Phật. Người nghiên cứu không người đọc có thể nhận ra những tài liệu giá trị về lịch sử, y khoa, tâm lý, v.v... và rút ra được những bài học có thể ứng dụng trong đời sống hàng ngày của hàng xuất gia lẫn tại gia cư sĩ.

Mong rằng bạn đọc thiện nguyện Viên Tông Luật sẽ đóng góp chút ít công sức trong việc học và nghiên cứu của quý vị.

Sri Jayawardhanaramaya,  
Ngày 04 tháng 07 năm 2005  
Bhikkhu Indacanda  
(Trưởng đạo đình Dũng)

Nguồn: [http://www.paliviet.info/VChuong/Luat\\_Intro.htm](http://www.paliviet.info/VChuong/Luat_Intro.htm)

**CÁC BẠN ĐỌC CH**  
**CÁC A T K H U INDACANDA**  
Cập nhật: Friday, September 24, 2010

**Trên B B n D ch v Tông Lu t Pālī (9 tập)**

Giới Thiệu Tông Quát Tông Luật (Vinaya Pīṭaka): ( [Html](#) )

▢ *Pārājikapāṇi* & Phân Tích Giới Tỳ Khưu I (2008) ( [Pdf. 5.3 Mb](#) )

▢ *Pācittiyapāṇi bhikkhu* & Phân Tích Giới Tỳ Khưu II (2008) ( [Pdf. 4.5 Mb](#) )

▢ *Pācittiyapāṇi bhikkhunī* & Phân Tích Giới Tỳ Khưu Ni (2008) ( [Pdf. 3.1 Mb](#) )

▢ *Mahāvaggapāṇi I* & Đồ i Phạn I (2009) ( [Pdf. 4.2 Mb](#) )

▢ *Mahāvaggapāṇi II* & Đồ i Phạn II (2009) ( [Pdf. 3.5 Mb](#) )

▢ *Cullavaggapāṇi I* & Tỳ u Phạn I (2009) ( [Pdf. 3.5 Mb](#) )

▢ *Cullavaggapāṇi II* & Tỳ u Phạn II (2009) ( [Pdf. 4.1 Mb](#) )

▢ *Parivārapāṇi I* & Tỳ p Y u I (2010) ( [Pdf. 3.1 Mb](#) )

▢ *Parivārapāṇi II* & Tỳ p Y u II (2010) ( [Pdf. 3.1 Mb](#) )

### **Các Bản Dịch thu thập Tống Kinh Pāli (6 tập)**

▢ *Patisambhidamaggapāṇi I* - Phân Tích Đồ o, tập I (2006) ( [Pdf. 4.3 Mb](#) )

▢ *Patisambhidamaggapāṇi II* - Phân Tích Đồ o, tập II (2006) ( [Pdf. 2.8 Mb](#) )

▢ *Apadanapāṭi I* - Thánh Nhân Ký S, tập I (2008) ( [Pdf 5.45 Mb](#) )

▢ *Apadanapāṭi II* - Thánh Nhân Ký S, tập II (2007) ( [Pdf 3.33 Mb](#) )

▢ *Apadanapāṭi III* - Thánh Nhân Ký S, tập III (2007) ( [Pdf 2.18 Mb](#) )

▢ *Buddhavamsapāṭi* - Phật S (2005) ( [Pdf. 4.2 Mb](#) )

▢ *Cariyapitakapāṭi* - Hình Thức (2005) ( [Pdf. 4.2 Mb](#) )

## **Các Dịch Phẩm và Tài Liệu Khác về Pāli**

▢ *Bhikkhunī Pātimokkha* - Giới bổn Pātimokkha của Tăng nữ ( [Html](#) )

▢ *Dīpavamsa* - Sử liệu về đảo Lanka ( [Pdf. 1.4 Mb](#) )

▢ *Saddhammasaṅgaha* - Diu pháp yếu lược ( [Html](#) )

▢ *Buddhaghosuppatti* - Cuộc đời ngài Buddhaghosa ( [Html](#) )

▢ *Dāthāvamsa* - Sử liệu về Xá-lợi Răng Phật ( [Pdf. 0.8 Mb](#) )

▢ *Thūpavamsa* - Số liệu về Bộ o thập Xá-lợi Phất ([Html](#))

▢ Mẫu T Pāli và Cách Phát Âm, Tập *kh u Indacanda* số n ( [Html](#) )

▢ Học Pāli qua kinh tụng, Tập *kh u Indacanda* số n ( [Html](#) )

**Các Bản Dịch từ Sankrit (Pdf. files) :**

*(với bút hiệu u Nguyễn Thiên)*

▢ Chuyển C Tích n Đ ( *Hitopadeśa* ) đã in song ngữ 2000

▢ Phất Đ Nan Đà ( *Saundarananda* ) đã in song ngữ 2001

▢ Truyền Thuyết Vua A Dục ( *Aśokāvadāna* ) ( [Pdf. 670 Kb](#) )

**BTV**